TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS-ST
Ngày: 31-3-2022
V/v "T/c Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng Bích.

Bà Lê Thị T Vân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2020/TLST–DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-DS, ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Châu Thị Thúy N, sinh năm 1973

Ông Bùi Thế H, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: 697/30 khóm Đông Thịnh 8, phường Mỹ P, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

- *Đại diện theo ủy quyền của bà N, ông H:* Ông Nguyễn Thành c, sinh năm 1983. Địa chỉ: 30 đường Nguyễn Huệ A, phường Mỹ L, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

(Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 15/02/2022)

- *Bị đơn:* Ông Lê Quốc M, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Bà Bùi Thị Hồng Y, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 25, đường Yết Kiêu, phường Mỹ B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: 1061/3/4, hẻm Trần Hưng Đạo, khóm Bình Long 2, phường Mỹ B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- *Đại diện theo ủy quyền của bà Y, ông M:* Bà Lê Lâm T, sinh năm 1970. Địa chỉ: 16 đường Lý Thường Kiệt, phường Mỹ B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

(Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 28/3/2022)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2020 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thành T đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Bùi Thế H, bà Châu Thị Thúy N trình bày:

Do chỗ quen biết, vào ngày 04/12/2015, ông Lê Quốc M, bà Bùi Thị Hồng Y có hỏi mượn vợ chồng ông H, bà N số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), khi vay có làm biên nhận nợ do ông M ký tên và hẹn 01 tuần sẽ trả lại. Khi đến hẹn thì ông M, bà Yếu chỉ hứa hẹn mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận mặc dù vợ chồng ông H, bà N đã nhiều lần yêu cầu ông M, bà Y trả số tiền còn nợ nêu trên. Do ông M, bà Y vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Châu Thị Thúy N, ông Bùi Thế H khởi kiện yêu cầu ông Lê Quốc M, bà Bùi Thị Hồng Y có nghĩa vụ liến đới trả cho ông H, bà N số tiền còn nợ là 100.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

* Tại bản tự khai và tại biên bản hòa giải ngày 15/12/2021, bà Lê Lâm T đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Quốc M, bà Bùi Thị Hồng Y trình bày:

Ông Lê Quốc M, bà Bùi Thị Hồng Y xác định không có vay mượn của ông H, bà N số tiền 100.000.000đ. Trước đây ông M có làm ăn với bà N, mỗi lần vay mượn tiền thì ông M tự tay viết biên nhận và viết giấy trả tiền cho bà N không có việc để bà N tự ghi tên của bà N vào biên nhận nợ như biên nhận ngày 04/12/2015.

Đối với biên nhận nợ ngày 04/12/2015 mà bà N cung cấp cho Tòa án thì ông M không nhớ là mình có ký biên nhận đó hay không và có thể là bà N lấy tờ giấy có chữ ký của ông rồi ghi tên của bà N vào để khởi kiện ông M. Do đó, ông M, bà Y không đồng ý trả nợ như yêu cầu của bà N, ông H. Việc ông H, bà N yêu cầu bà Y liên đới cùng ông M trả nợ thì bà Y không đồng ý, do bà Y không có vay tiền của N, ông H nên không đồng ý liên đới cùng ông M trả nợ.

* Kết luận giám định số 65/KLGT-PC09 (TL) ngày 14/6/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang có kết luận: *Chữ ký mang tên Lê Quốc M dưới mục "Người nhận tiền" trên biên nhận ngày 14/12/2015 (ký hiệu A) so*

với chữ ký của Lê Quốc M trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M10) do cùng một người ký ra.

Đối với kết luận giám định ngày 14/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang: Ông H, bà N thống nhất với luận này và không có ý kiến. Ông M, bà Y không đồng ý kết luận này nhưng ông M, bà Y không yêu cầu cơ quan nào khác trưng cầu giám định lại. Về chí phí tố tụng các đương sự yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Ông Nguyễn Thành T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông H, bà N là ông Nguyễn Thành T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 15/02/2022, phía nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trước đây.

Bà Lê Lâm T đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông M, bà Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 28/3/2022. Phía bị đơn ông M, bà Y không đồng ý trả nợ như yêu cầu của bà N, ông H và việc ông H, bà N yêu cầu bà Y liên đới cùng ông M trả nợ thì bà Y không đồng ý, do bà Y không có vay tiền của bà N, ông H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp:

Đối với yêu cầu buộc ông M trả số tiền 100.000.000 đồng: Nhận thấy, bà N, ông H căn cứ vào biên nhận ngày 04/12/2015 yêu cầu ông M trả số tiền 100.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Tại biên nhận ngày 04/12/2015 thể hiện nội dung ông M vay của bà N số tiền 100.000.000đ, không có tài sản thế chấp, cam kết sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền trên trong vòng 01 tuần kể từ ngày vay. Ông M cho rằng không có vay tiền của bà N. Tuy nhiên, Kết luận giám định số 65/KLGT-PC09(TL) ngày 04/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang kết luận chữ ký mang tên Lê Quốc M dưới mục "Người nhận tiền" trên Biên nhận ngày 04/12/2015 so với chữ ký của Lê Quốc M trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M10) do cùng một người ký ra. Mặc dù, biên nhận chỉ thể hiện nội dung ông M vay của bà N, nhưng bà N, ông H cho rằng đây là

tài sản chung của vợ chồng. Do đó, căn cứ chứng cứ nguyên đơn cung cấp, Kết luận giám định có cơ sở xác định ông M vay tiền của bà N, ông H, vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà N, ông H là có căn cứ theo quy định tại các Điều 471, 474, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005. Đối với yêu cầu bà Y liên đới trách nhiệm: Nhận thấy, tại biên nhận ngày 04/12/2015 không thể hiện nội dung cho bà Y vay tiền, có chữ ký xác nhận của bà Y, bên cạnh đó bà Y không thừa nhận việc vay tiền của bà N, ông H. Đồng thời, hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ thể hiện ông M, bà Y có quan hệ vợ chồng. Do đó, yêu cầu buộc bà Y liên đới trách nhiệm là không có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Bùi Thế H, bà Châu Thị Thúy N khởi kiện yêu cầu ông Lê Quốc M, bà Bùi Thị Hồng Y trả tiền vay, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự (Hợp đồng vay tài sản), theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Căn cứ bản tự khai của ông M, bà Y thì ông hiện sinh sống tại số 1061/3/4, hẻm Trần Hưng Đạo, khóm Bình Long 1, phường Mỹ Bình, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ông Bùi Thế H, bà Châu Thị Thúy N là người khởi kiện ông Lê Quốc M, bà Bùi Thị Hồng Y nên ông H, bà N tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn trong vụ án và xác định ông M, bà Y tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Ông H, bà N có ủy quyền cho ông Nguyễn Thành T tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền vào ngày 17/10/2020 và ông M, bà Y có ủy quyền cho bà Lê Lâm T tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền vào ngày 31/7/2020. Việc ủy quyền này của các đương sự là phù là hợp với Điều 562, Điều 569 Bộ luật dân sự 2015; Điều 85, Điều 89 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên được chấp nhận. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch dân sự trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực và đã thực hiện xong giao dịch nên căn cứ vào điểm c

khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Tòa án áp dụng bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Ông Bùi Thế H, bà Châu Thị Thúy N cứ vào biên nhận ngày 04/12/2015 yêu cầu buộc ông M, bà Y trả số tiền 100.000.000đ, không tín lãi. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn ông M, bà Y không thừa nhận có vay tiền nên không đồng ý trả nợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Mặc dù phía bị đơn không thừa nhận nợ và có đơn yêu cầu giám định chữ ký tại biên nhận nợ ngày 04/12/2015. Tuy nhiên Kết luận giám định số 65/KLGT-PC09 (TL) ngày 14/6/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang có kết luận: *Chữ ký mang tên Lê Quốc M dưới mục "Người nhận tiền" trên biên nhận ngày 14/12/2015 (ký hiệu A) so với chữ ký của Lê Quốc M trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M10) do cùng một người ký ra.* Tuy bị đơn không đồng ý kết luận giám đinh nhưng không yêu cầu cơ quan nào khác trưng cầu giám định lại nên Tòa án lấy kết luận giám định này làm căn cứ để giải quyết vụ án.

Như vậy, căn cứ vào biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp và Kết luận giám định số 65/KLGT-PC09 (TL) ngày 14/6/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang có đủ căn cứ để xác định việc vay mượn giữa giữa bà N và ông M là thực tế có xảy ra. Biên nhận ghi rõ họ tên người cho vay là Châu Thị Thúy N, người ký vay là Lê Quốc M, ghi rõ số tiền vay, nghĩa vụ và thời gian trả nợ cụ thể nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản, có kỳ hạn được quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 nên hợp đồng này phát sinh hiệu lực đối với các bên. Tuy Biên nhận nợ ngày 04/12/2015, chỉ thể hiện ông Lê Quốc M có vay của bà Châu Thị Thúy N số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nhưng bà N, ông H đều xác nhận đây là tài sản chung của vợ chồng nên ông H, bà N khởi kiện là có căn cứ để chấp nhận. Do bị đơn ông M vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nên ông H, bà N khởi kiện yêu cầu ông M có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với điều 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005 nên được xem xét chấp nhận.

Đối với yêu cầu bà Y liên đới trách nhiệm: Nhận thấy, tại biên nhận ngày 04/12/2015 không thể hiện nội dung cho bà Y vay tiền, không có chữ ký xác nhận của bà Y, bên cạnh đó bà Y cũng không thừa nhận việc vay tiền của bà N, ông H. Ngoài ra nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng M cho việc bà Y có vay mượn tiền của ông H, bà N nên yêu cầu buộc bà Y liên đới trách nhiệm với ông M trả nợ là không có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Lê Quốc M phải có trách nhiệm nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về chi phí giám định: Bị đơn ông Lê Quốc M phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Chi phí này ông M đã thực hiện xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản Điều 39; Điều 68; Điều 85, Điều 86; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 471, Điều 474; Điều 478 Bộ luật dân sự 2005;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thế H, bà Châu Thị Thúy N.

Buộc ông Lê Quốc M có trách nhiệm trả cho ông Bùi Thế H, bà Châu Thị Thúy N số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thế H, bà Châu Thị Thúy N về yêu cầu bà Y liên đới trả nợ.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Quốc M phải chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Bùi Thế H, bà Châu Thị Thúy N đượ nhận lại 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004970 ngày 06/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[3] Về chi phí giám định: Bị đơn ông Lê Quốc M phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Chi phí này ông M đã thực hiện xong.

[4] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:
- Các đương sự
- THA TPLX;
- VKS TPLX
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền